

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 159/2023/HS-ST

Ngày: 19/12/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Kim Phụng;

Ông Phạm Ngọc Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 144/2023/TLST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2023; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T** (tên gọi khác: Không); giới tính: Nam, sinh năm 2004, tại Ninh Bình; Nơi cư trú: thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn L và bà Lương Thị T; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Tại bản án số 81 ngày 23/12/2021, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Ninh Bình xử phạt Nguyễn Văn T 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. Tiền sự: chưa có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 23/7/2023, chuyển tạm giam ngày 26/7/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình, (Có mặt).

Bị hại: chị Phạm Thị H, sinh năm 1988; Trú tại xóm 10, xã Khánh Tiên, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Lã Thị L, sinh năm 1984: Trú tại: số nhà 325, đường N, phố T, phường B, thành phố N, (Vắng mặt).

Người Làm chứng: chị Thân Thị T1, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 20 ngày 22/7/2023, Nguyễn Văn T mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Attila Biển kiểm soát 36R4-9191 của anh Đinh Tôn T2 sinh năm 1984 trú tại thôn H, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định (là bố bạn gái của T) và điều khiển xe đi từ nhà anh Thắng đi lên cầu sắt Non Nước (cầu bắc ngang qua sông Đáy từ xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định sang phường T, thành phố N) để đi vứt rác. Sau đó, T điều khiển xe xuống cầu đi vào đường N thì nhìn thấy chị Thân Thị T1 sinh năm 1993 trú tại phố Tây Sơn 1, phường T, thành phố N đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision Biển kiểm soát 35K1-5...61 chở chị Phạm Thị H sinh năm 1988 trú tại xóm 10, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình ngồi sau đi từ hướng cầu sắt Non Nước rẽ phải ra đường L, phường Đ, thành phố N. Nguyễn Văn T đi sau quan sát thấy tay trái chị H đang cầm 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max màu tím để trên đùi trái nên đã nảy sinh ý định cướp giật chiếc điện thoại di động của chị H. Sau đó, T điều khiển xe đi theo sau xe của chị T1 và chị H để quan sát, khi chị T1 và chị H đi từ đường L rẽ phải vào đường Đ, phố 3, phường Đ, thành phố N khoảng 10m thì T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Attila Biển kiểm soát 36R4-9191 đi vượt lên áp sát vào phía bên trái của xe chị H rồi dùng tay phải giật chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max màu tím của chị H đang cầm ở tay trái và nhanh chóng điều khiển xe mô tô tăng ga bỏ chạy. Lúc này chị H hô hoán nên chị T1 điều khiển xe đuổi theo T nhưng không đuổi kịp. Sau khi chiếm đoạt được chiếc điện thoại của chị H thì T đi đến cửa hàng điện thoại Biên Lựa do chị Lã Thị L sinh năm 1984 ở số nhà 325, đường N, phố T, phường B, thành phố N là chủ cửa hàng, T bán cho chị Lựa 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max màu tím vừa cướp giật được của chị H với giá 2.000.000 đồng, Sau đó T cầm tiền rồi đi về nhà ở thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

Sau khi không đuổi kịp T, chị Phạm Thị H đã đến Công an phường Đ gửi đơn trình báo. Sau khi tiếp nhận tin báo, ngày 23/7/2023 Công an phường Đ đã chuyển hồ sơ, tài liệu cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N để tiến hành điều tra, xác minh theo thẩm quyền. Cơ quan điều tra đã triệu tập Nguyễn Văn T đến làm việc, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng thời tự nguyện giao nộp số tiền 2.000.000 đồng cho Cơ quan điều tra. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Attila Biển kiểm soát 36R4-9191 và 01 Giấy đăng ký xe mô tô của anh Đinh Tôn T2; thu giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max màu tím và 01 ốp điện thoại bằng silicon màu tím của chị Lã Thị L.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 62 ngày 28/07/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố N kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max màu tím có giá trị là 26.000.000 đồng, 01 ốp điện thoại bằng silicon màu tím có giá trị là 100.000 đồng. Như vậy tổng giá trị tài sản Nguyễn Văn T đã chiếm đoạt của chị Hoàn là 26.100.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 146/CT-VKSNDTPNB ngày 13/11/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố Nguyễn Văn T về tội “Cướp giật tài sản”, theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình và không có ý kiến hay khiếu nại về Kết luận định giá tài sản số 62 ngày 28/07/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố N.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”; Đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cướp giật tài sản”; áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS; xử phạt Nguyễn Văn T từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/7/2023.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu án phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Phản tranh luận: Bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 19 giờ 20 phút ngày 22/7/2023, tại khu vực đường Đ, phố 3, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Nguyễn Văn T đã điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Attila Biển kiểm soát 36R4-9191 làm phương tiện để thực hiện hành vi cướp giật tài sản bằng hình thức dùng tay phải giật 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max màu tím và 01 ốp điện thoại bằng silicon màu tím có tổng giá trị là 26.100.000 đồng của chị Phạm Thị H khi chị

Hoàn đang cầm điện thoại trên tay và ngồi sau xe mô tô do chị Thân Thị T1 điều khiển.

Bị cáo sử dụng xe máy làm phương tiện để giật tài sản khi người bị hại đang ngồi sau xe mô tô có thể gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của nạn nhân. Vì vậy, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản, quyền nhân thân của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, trách nhiệm hình sự, phạm tội do lỗi cố ý. Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy: hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại bản Cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội đối với các bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ. Do đó, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” thuộc trường hợp “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 BLHS

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo có 01 tiền án 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong ngày 23/11/2022 đến ngày phạm tội mới chưa được xóa án tích. Nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng thời tự nguyện giao nộp số tiền 2.000.000 đồng cho Cơ quan điều tra. Do đó, cần cho bị cáo hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với mức độ phạm tội của bị cáo đã gây ra, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, chị H và chị L không có yêu cầu, đề nghị T phải bồi thường gì thêm nên vấn đề trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết.

[4]. Các vấn đề khác:

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max màu tím và 01 ốp điện thoại bằng silicon màu tím. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của chị H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã trả lại các tài sản trên cho chị H là có căn cứ, đúng quy định.

- Đối với số tiền 2.000.000 đồng là tiền do Tính bán chiếc điện thoại cướp giật được cho chị Lã Thị L mà có. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã trả lại cho chị L là có căn cứ, đúng quy định

- Đối với chị Lã Thị L là người đã mua chiếc điện thoại do Nguyễn Văn T cướp giật được của chị H. Tuy nhiên, chị L không biết đây là tài sản do T phạm tội mà có nên không vi phạm.

- Về án phí: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự;

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cướp giật tài sản”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 04 năm 06 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 23/7/2023.

2. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

- Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Chị Hoàn, chị Lua được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo (1 bản);
 - Bị hại (1 bản);
 - Người liên quan (1 bản);
 - TAND tỉnh Ninh Bình (1 bản);
 - VKSND tỉnh Ninh Bình (1 bản);
 - VKSND thành phố N (2 bản);
 - Công an thành phố N (1 bản);
 - Chi cục THA.DS thành phố N (1 bản);
 - Thi hành án HS (1 bản);
 - Sở Tư pháp Ninh Bình (1 bản);
 - Lưu Hồ sơ, VP (3 bản);
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú)*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Bình

